| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CHỢ MỚI**<br>TỈNH AN GIANG | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 10/2019/KDTM-ST
Ngày: 28/11/2019
V/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng.

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà Nguyễn Anh Thư.

*Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Võ Lâm Sơn.

2. Ông Nguyễn Văn Hồng.

***- Thư ký phiên toà***: Ông Nguyễn Tấn Kiệt, Thư ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa***: Bà Đoàn Thụy Thùy Trang, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 11 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 378/2019/TLST-DS ngày 04 tháng 9 năm 2019 về tranh chấp "Hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 561/2019/QĐXXST-DS, ngày 22 tháng 10 năm 2019, giữa các đương sự:

*1.Nguyên đơn:* Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T; trụ sở: số 89, L, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

*Người đại diện theo pháp luật*: Ông Ngô Chí D - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

*Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn*: Ông Đỗ Thành Tr - Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc Công ty trách nhiệm hữu hạn quản lý tài sản Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T kiêm Phó Giám đốc khối pháp chế và kiểm soát tuân thủ. Là đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 11/2018/UQ-HĐQT ngày 02/3/2018).

*Người đại diện hợp pháp của ông Ngô Chí D*:

Ông Lâm Thanh K - Chức vụ: Chuyên viên xử lý nợ – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T; địa chỉ liên hệ: tầng 02, số 96 T, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền lại (Văn bản ủy quyền số 26492/2019/UQ-PGĐK ngày 18/7/2019), (Có mặt).

Ông Phạm Hoàng G – Chức vụ: Trưởng bộ phận xử lý nợ – Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T; địa chỉ liên hệ: tầng 02, số 96 T, phường 4, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh. Là đại diện theo ủy quyền lại (Văn bản ủy quyền số 26492/2019/UQ-PGĐK ngày 18/7/2019), (Vắng mặt).

*2. Bị đơn*: Ông Bùi Văn T, sinh năm 1982; địa chỉ: ấp Q, thị trấn L, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số 250, ấp Thị 2, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

*3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*: Bà Đoàn Thị Ngọc G, sinh năm 1983; địa chỉ: ấp Q, thị trấn L, huyện C, tỉnh An Giang; địa chỉ liên hệ: số 250, ấp Thị 2, xã H, huyện C, tỉnh An Giang (Vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện và tờ tự khai của nguyên đơn do ông Lâm Thanh K là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 25/7/2017, ông Bùi Văn T có ký hợp đồng tín dụng số LĐ 1720900523 với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T (gọi tắt là Ngân hàng) để vay số tiền 150.000.000 đồng, mục đích vay kinh doanh, thời hạn vay là 36 tháng, kể từ ngày 28/7/2017 đến hết ngày 01/7/2020, lãi suất cho vay 30%/năm, lãi suất thả nổi, được tính từng thời điểm, lãi suất nợ quá hạn là 150% lãi suất trong hạn. Lịch trả nợ gốc và lãi hàng tháng (từ 01/9/2017 đến 01/7/2020), số tiền gốc và lãi được tính giảm dần. Hình thức vay tín chấp. Sau khi ký kết hợp đồng thì ngày 28/7/2017 Ngân hàng đã giải ngân cho ông T đủ số tiền nói trên theo giấy nhận nợ cùng ngày. Quá trình thực hiện hợp đồng thì ông T có trả vốn 48.694.636 đồng và lãi 49.905.491 đồng thì ngưng cho đến nay, mặc dù Ngân hàng có nhắc nhở ông T nhiều lần nhưng vẫn không thực hiện và số nợ này nay đã quá hạn. Nay yêu cầu ông Bùi Văn T và bà Đoàn Thị Ngọc G có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền vốn vay còn nợ 101.305.364 đồng, lãi 30.262.861 đồng (tính đến ngày 18/7/2019) và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 101.305.364 đồng theo hợp đồng tín dụng từ ngày 19/7/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Việc Ngân hàng yêu cầu bà G cùng liên đới với ông T số nợ vay và lãi là do bà G, ông T là vợ chồng, việc ông T vay tiền làm vốn kinh doanh.

Tại phiên tòa hôm nay, ông K đại diện Ngân hàng xác định yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Đoàn Thị Ngọc G liên đới trả vốn gốc còn nợ 101.305.364 đồng, lãi 48.466.175 đồng, lãi phạt 2.978.463 đồng (tính đến ngày 27/11/2019) và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 101.305.364 đồng theo hợp đồng tín dụng số LĐ 1720900523 ngày 25/7/2017, từ

ngày 28/11/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ.

Bị đơn ông Bùi Văn T, bà Đoàn Thị Ngọc G được Tòa án tống đạt thông báo thụ lý vụ án và triệu tập hợp lệ để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng vắng mặt không lý do nên không ghi nhận được ý kiến và hòa giải được.

Đại diện viện kiểm sát phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Về ý kiến giải quyết: Ngày 25/7/2017, giữa Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T với ông Bùi Văn T ký kết hợp đồng tín dụng số 1720900523 vay 150.000.000 đồng, lãi suất 30%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn, thời hạn vay là 36 tháng, mục đích vay kinh doanh. Cho vay theo hình thức tín chấp.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng ông T đã trả vốn 48.694.636 đồng, lãi 49.905.491 đồng thì ngưng cho đến nay. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông T và bà Đoàn Thị Ngọc G trả số tiền nợ tổng cộng 152.750.002 đồng gồm vốn 101.305.364 đồng, lãi 48.466.175 đồng, lãi phạt 2.978.463 đồng, tính đến ngày 27/11/2019 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên vốn gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được giải ngân xong ngày 28/7/2017 với số tiền 150.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, Ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nên Ngân hàng khởi kiện là có căn cứ phù hợp Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự.

Đối với bà G, tuy không trực tiếp giao kết hợp đồng nhưng đây là khoản nợ phát sinh trong thời kỳ hôn nhân giữa ông T, bà G đang tồn tại nên căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình, buộc bà G liên đới cùng ông T trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền nợ tổng cộng 152.750.002 đồng gồm vốn 101.305.364 đồng, lãi 48.466.175 đồng, lãi phạt 2.978.463 đồng, tính đến ngày 27/11/2019 và tiền lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên vốn gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

Từ phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 299, 323, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự và Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 56, 58 Nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm, xem xét:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

- Buộc ông Bùi Văn T và bà Đoàn Thị Ngọc G trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền nợ tổng cộng 152.750.002 đồng gồm vốn 101.305.364 đồng, lãi 48.466.175 đồng, lãi phạt 2.978.463 đồng, tính đến ngày 27/11/2019 và tiền

lãi phát sinh theo hợp đồng tín dụng trên vốn gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán hết nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T khởi kiện ông Bùi Văn T. Ông T có nơi cư trú tại ấp Q, thị trấn L, huyện C, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 26, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T khởi kiện ông Bùi Văn T do vi phạm nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng tín dụng số LĐ 1720900523 ngày 25/7/2017, nên đây là tranh chấp về giao dịch dân sự về *"Hợp đồng tín dụng"*. Đồng thời, tranh chấp này phát sinh trong hoạt động kinh doanh, thương mại giữa cá nhân, tổ chức có đăng ký kinh doanh với nhau và đều có mục đích lợi nhuận nên đây là vụ án kinh doanh thương mại theo Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Do đó, Hội đồng xét xử có cơ sở chuyển vụ án này từ tranh chấp dân sự thành tranh chấp kinh doanh thương mại là phù hợp.

[3] Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn ông Phạm Hoàng G, bị đơn ông Bùi Văn T, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị Ngọc G đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt không lý do. Căn cứ Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Giang, ông T, bà G là có căn cứ.

[4] Tại phiên tòa hôm nay ông K đại diện Ngân hàng yêu cầu ông Bùi Văn T, bà Đoàn Thị Ngọc G trả vốn gốc còn 101.305.364 đồng, lãi 48.466.175 đồng, lãi phạt 2.978.463 đồng (tính đến ngày 27/11/2019) và tiền lãi phát sinh trên vốn gốc 101.305.364 đồng theo hợp đồng tín dụng số LĐ 1720900523 ngày 25/7/2017, từ ngày 28/11/2019 theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán hết nợ. Xét thấy, việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận việc thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy, Hợp đồng tín dụng số LĐ 1720900523 ngày 25/7/2017 ký kết giữa Ngân hàng với ông T được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, hình thức và nội dung hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái với đạo đức xã hội và phù hợp với quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng tín dụng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Căn cứ theo hợp đồng tín dụng đã làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên theo quy định tại Điều 463, 466 Bộ luật dân sự 2015. Quá trình thực hiện hợp đồng phía ông T không thực hiện nghĩa

vụ trả vốn, lãi suất đúng hạn cho Ngân hàng để phát sinh nợ quá hạn là vi phạm nghĩa vụ của người vay theo hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Do đó, việc Ngân hàng khởi kiện ông T yêu cầu trả vốn gốc còn nợ 101.305.364 đồng, lãi 48.466.175 đồng, lãi phạt 2.978.463 đồng (tính đến ngày 27/11/2019), tổng cộng 152.750.002 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 280, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự 2015, Điều 91 và Điều 95 Luật tổ chức tín dụng năm 2010.

[6] Xét yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bà G cùng với ông T trả số tiền vốn vay, lãi suất, lãi phạt theo LĐ 1720900523 ngày 25/7/2017. Hội đồng xét xử nhận thấy, Hợp đồng tín dụng được xác lập giữa Ngân hàng với ông T. Bà G không tham gia cùng với ông T trong giao dịch này. Tuy nhiên, bà G và ông T là vợ chồng, mặc dù tại thời điểm xác lập giao dịch trên bà G không biết và không tham gia cùng với ông T, nhưng số nợ này phát sinh trong thời kỳ hôn nhân và theo ông K (người đại diện hợp pháp của nguyên đơn) trình bày thì mục đích ông T vay tiền của nguyên đơn để làm vốn kinh doanh. Do đó, căn cứ Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình 2014 buộc bà G cùng có trách nhiệm liên đới với ông T trả cho Ngân hàng số tiền vốn, lãi và lãi phạt là phù hợp.

[7] Tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn có yêu cầu ông T, bà G phải tiếp tục chịu lãi suất phát sinh theo hợp đồng tín dụng số LĐ 1720900523 ngày 25/7/2017 mà ông T đã ký kết với Ngân hàng, từ ngày 29/11/2019 cho đến khi ông T, bà G thanh toán xong các khoản nợ với Ngân hàng. Hội đồng xét xử xét thấy, theo hợp đồng tín dụng có thỏa thuận mức lãi suất cho vay trong hạn, lãi suất nợ quá hạn. Do ông T vi phạm nghĩa vụ thanh toán và như đã phân tích trên nên ông T, bà G phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà G thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng là phù hợp với Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

[8] Từ những phân tích trên, có cơ sở buộc ông Bùi Văn T, bà Đoàn Thị Ngọc G có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng số tiền vốn, lãi và lãi phạt (tính đến ngày 27/11/2019) tổng cộng 152.750.002 đồng và buộc ông ông Bùi Văn T, bà Đoàn Thị Ngọc G phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận theo hợp đồng tín dụng cho đến khi ông T, bà G thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng.

[9] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu của Ngân hàng được chấp nhận nên ông T, bà G phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

*Vì các lẽ trên*;

## QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

- Các Điều 280, Điều 357, Điều 463, Điều 466 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015;

- Các Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010;

- Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T đối với ông Bùi Văn T, bà Đoàn Thị Ngọc G.

+ Buộc ông Bùi Văn T, bà Đoàn Thị Ngọc G có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T số tiền vốn 101.305.364 đồng, lãi 48.466.175 đồng, lãi phạt 2.978.463 đồng (tính đến ngày 27/11/2019), tổng cộng 152.750.002 đồng (Một trăm năm mươi hai triệu, bảy trăm năm mươi nghìn, không trăm lẻ hai đồng).

+ Kể từ ngày 28/11/2019, ông Bùi Văn T, bà Đoàn Thị Ngọc G còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số LĐ 1720900523 ngày 25/7/2017cho đến khi ông T, bà G thanh toán xong khoản nợ với Ngân hàng. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T thì lãi suất mà ông Bùi Văn T, bà Đoàn Thị Ngọc G phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: 7.637.500 đồng (Bảy triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn, năm trăm đồng) ông Bùi Văn T, bà Đoàn Thị Ngọc G phải chịu.

Hoàn lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.289.000 đồng (Ba triệu hai trăm tám mươi chín nghìn đồng) cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam T theo biên lai thu số 0013513 do Chi cục thi hành án dân sự huyện Chợ Mới cấp ngày 03/9/2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- VKSND H. Chợ Mới;
- TAND tỉnh An Giang;
- Chi cục THADS H. Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Anh Thư**